

Số: /QĐ-UBND

Tam Đường, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án:
Công trình Thủy điện Chu Va 2 tại xã Sơn Bình, huyện Tam Đường**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 của UBND tỉnh Lai Châu ủy quyền cho Ủy ban nhân các huyện, thành phố thực hiện thông báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 22/04/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt chủ trương dự án Công trình thủy điện Chu Va 2 tại xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 22/11/2017 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Công trình thủy điện Chu Va 2 tại xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của UBND tỉnh Lai Châu điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Công trình thủy điện Chu Va 2;

Căn cứ Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 08/6/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định 769/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh Lai Châu quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án công trình thủy

điện Chu Va 2 (cấp lần đầu: ngày 22/4/2016) (điều chỉnh lần thứ ba: ngày 28/6/2021);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi **12.557,2 m²** đất của hộ gia đình **ông Hàng A Vãng**, cư trú tại bản Chu Va 8, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu gồm 53 thửa đất thuộc tờ trích đo địa chính khu đất công trình: Thủy điện Chu Va 2 do Công ty cổ phần ứng dụng công nghệ Tài nguyên và Môi trường thực hiện tỷ lệ 1/1000, cụ thể như sau:

(Chi tiết có bảng tổng hợp kèm theo)

- Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án: Công trình thủy điện Chu Va 2 tại xã Sơn Bình, huyện Tam Đường.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND xã Sơn Bình có trách nhiệm phối hợp cùng Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Tam Đường thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và giao quyết định này cho hộ gia đình **ông Hàng A Vãng**, trường hợp hộ gia đình **ông Hàng A Vãng** không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại trụ sở UBND xã Sơn Bình, tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện có trách nhiệm thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật. Thu hồi các giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất để chuyển cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất huyện Tam Đường làm thủ tục chỉnh lý hồ sơ địa chính và quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi theo quy định.

3. **Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện** có trách nhiệm đăng quyết định này trên trang thông tin điện tử của huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện; Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất; Chủ tịch UBND xã Sơn Bình; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phong Vĩnh Cường

BẢNG TỔNG HỢP

**Diện tích đất thu hồi của hộ gia đình ông Hàng A Văng để thực hiện dự án:
Công trình thủy điện Chu Va 2 tại xã Sơn Bình, huyện Tam Đường**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện Tam Đường)

STT	Tên chủ sử dụng quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích thu hồi theo kết quả đo đạc (m ²)				Ghi chú
							Tổng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1	Hàng A Văng	Bản Chu Va 8, xã Sơn Bình	3	220c	NHK	70,2	70,2		70,20		
			3	23a	LUK	58,9	58,9	58,90			
			3	14	LUK	55,7	55,7	55,70			
			3	19	LUK	27,3	27,3	27,30			
			3	20	LUK	75,9	75,9	75,90			
			3	21	LUK	6,2	6,2	6,20			
			3	22	LUK	56,6	56,6	56,60			
			3	29	NHK	499,3	499,3			499,30	

STT	Tên chủ sử dụng quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích thu hồi theo kết quả đo đạc (m ²)				Ghi chú
							Tổng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	
			3	30	BHK	258,3	258,3			258,30	
			3	31	LUK	395,7	395,7	395,70			
			3	32	LUK	127,9	127,9	127,90			
			3	33	LUK	452,4	452,4	452,40			
			3	34	LUK	371,0	371,0	371,00			
			3	35	LUK	428,6	428,6	428,60			
			3	36	LUK	446,0	446,0	446,00			
			3	37	LUK	298,7	298,7	298,70			
			3	38	LUK	164,5	164,5	164,50			
			3	39	LUK	155,6	155,6	155,60			
			3	45	LUK	110,3	110,3	110,30			
			3	46	LUK	136,8	136,8	136,80			

STT	Tên chủ sử dụng quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích thu hồi theo kết quả đo đạc (m ²)				Ghi chú
							Tổng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	
			3	47	LUK	229,6	229,6	229,60			
			3	48	LUK	102,3	102,3	102,30			
			3	49	LUK	588,7	588,7	588,70			
			3	50	LUK	373,2	373,2	373,20			
			3	51	LUK	467,4	467,4	467,40			
			3	52	LUK	463,8	463,8	463,80			
			3	80	LUK	231,7	231,7	231,70			
			3	81	LUK	257,5	257,5	257,50			
			3	82	LUK	319,7	319,7	319,70			
			3	83	LUK	177,0	177,0	177,00			
			3	84	LUK	182,3	182,3	182,30			
			3	85	LUK	175,0	175,0	175,00			

STT	Tên chủ sử dụng quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích thu hồi theo kết quả đo đạc (m ²)				Ghi chú
							Tổng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	
			3	114	LUK	290,5	290,5	290,50			
			3	115	LUK	305,6	305,6	305,60			
			3	116	LUK	389,0	389,0	389,00			
			3	117	LUK	413,3	413,3	413,30			
			3	118	LUK	417,2	417,2	417,20			
			3	119	LUK	394,3	394,3	394,30			
			3	120	LUK	179,1	179,1	179,10			
			3	151	LUK	79,1	79,1	79,10			
			3	152	LUK	164,0	164,0	164,00			
			3	153	LUK	449,8	449,8	449,80			
			3	154	LUK	321,8	321,8	321,80			
			3	155	LUK	542,1	542,1	542,10			

STT	Tên chủ sử dụng quản lý	Địa chỉ chủ sử dụng	Tờ bản đồ số	Số thửa	Loại đất	Diện tích thu hồi (m ²)	Diện tích thu hồi theo kết quả đo đạc (m ²)				Ghi chú
							Tổng	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	
			3	192	LUK	282,0	282,0	282,00			
			3	193	LUK	28,0	28,0	28,00			
			3	194	LUK	59,6	59,6	59,60			
			3	221	LUK	48,5	48,5	48,50			
			3	113a	LUK	21,4	21,4	21,40			
			3	220a	LUK	3,1	3,1	3,10			
			3	220b	LUK	2,6	2,6	2,60			
			3	314a	NHK	347,1	347,1		347,10		
			3	314b	NHK	55,0	55,0		55,00		
	Tổng					12.557,2	12.557,2	11.327,30	971,60	258,30	

